Chi tiết mã HS 2932.19.00

Mã HS	2932.19.00
Mô tả hàng hóa	Hợp chất dị vòng chỉ chứa (các) dị tố oxy / - Hợp chất có chứa một vòng furan chưa ngưng tụ (đã hoặc chưa hydro hóa) trong cấu trúc: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	12/11/2026 09:59:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/29321900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4329
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4329
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4329
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4284
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4245
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4245
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4245
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4245
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4245
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4245
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4283
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4283

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4283
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4283
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4283
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4283
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4287
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4287
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4287
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4287
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4287
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4287
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4287
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4251
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4247
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4247
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4247
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4247
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4247
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4247
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4247
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4247
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4247
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4247
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4247
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4247
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4294
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4294

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4294
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4294
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4294
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4294
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4291
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4291
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4291
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4291
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4291
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4291
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4299
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4299
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4299
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4299
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4299
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4299
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4270
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4270
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4270
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4270
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4270
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4270
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4272
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4272
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4272
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4272

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4272
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4272
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4270
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4270
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4270
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4270
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4270
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4270
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4270
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4291
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4291
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4291
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4291
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4291
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4291
RCEP B	2022	2022	0	B!D4291
RCEP B	2023	2023	0	B!E4291
RCEP B	2024	2024	0	B!F4291
RCEP B	2025	2025	0	B!G4291
RCEP B	2026	2026	0	B!H4291
RCEP B	2027	2027	0	B!I4291
RCEP C	2022	2022	0	C!D4291
RCEP C	2023	2023	0	C!E4291
RCEP C	2024	2024	0	C!F4291
RCEP C	2025	2025	0	C!G4291
RCEP C	2026	2026	0	C!H4291

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4291
RCEP D	2022	2022	0	D!D4291
RCEP D	2023	2023	0	D!E4291
RCEP D	2024	2024	0	D!F4291
RCEP D	2025	2025	0	D!G4291
RCEP D	2026	2026	0	D!H4291
RCEP D	2027	2027	0	D!I4291
RCEP E	2022	2022	0	E!D4294
RCEP E	2023	2023	0	E!E4294
RCEP E	2024	2024	0	E!F4294
RCEP E	2025	2025	0	E!G4294
RCEP E	2026	2026	0	E!H4294
RCEP E	2027	2027	0	E!I4294
RCEP F	2022	2022	0	F!D4291
RCEP F	2023	2023	0	F!E4291
RCEP F	2024	2024	0	F!F4291
RCEP F	2025	2025	0	F!G4291
RCEP F	2026	2026	0	F!H4291
RCEP F	2027	2027	0	F!I4291
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3946
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3946
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3946
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3946

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Thuốc, dược chất XK, NK thuộc chất cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực (09/2024/TT-BYT-DM5)		09/2024/TT-BYT-DM	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2932.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2932.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4329), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thuốc, dược chất XK, NK thuộc chất cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực (09/2024/TT-BYT-DM5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.